

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đức Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Y Bít;
2. Ông Nguyễn Hữu Ty.

- Thư ký phiên tòa: Cao Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST – HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Vĩnh P, sinh năm 1982, tại Cần T.

Nơi cư trú: Thôn Ia B, xã Chư P, huyện Chư S, tỉnh Gia L. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thành L và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con. Tiền án: Không; tiền sự: không. Bị tạm giữ ngày 26/02/2023, tạm giam ngày 04/3/2023 đến ngày 22/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh. Có mặt.

2. Nguyễn Văn D, sinh năm 1963, tại Vĩnh P.

Nơi cư trú: Thôn Bầu Z, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia L. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị T (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị P và có 02 con. Tiền án: Không; tiền sự: không. Bị tạm giữ ngày 26/02/2023, tạm giam ngày 04/3/2023 đến ngày 22/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh. Có mặt.

3. Nguyễn Đức T, sinh năm 1980, tại Vĩnh P.

Nơi cư trú: Thôn K, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia L. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Có vợ là Phạm Thị Thanh T và có 02 con. Tiền án: Không; tiền sự: không. Bị tạm giữ ngày 26/02/2023, tạm giam ngày 04/3/2023, đến ngày 22/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh. Có mặt.

4. Đinh Văn P, sinh năm 1974, tại Phú T.

Nơi cư trú: Thôn Grai M, xã Chư P, huyện Chư S, tỉnh Gia L. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị L (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị T và có 01 con. Tiền án: Không; tiền sự: không. Bị tạm giữ ngày 26/02/2023, tạm giam ngày 04/3/2023, đến ngày 22/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Minh T, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Tốt B, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia L.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1979. Có mặt

Trú tại: Thôn Tốt B, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia L.

Người phiên dịch tiếng Mường: Ông Bùi Quang V

Nơi cư trú: Thôn Tân L, thị trấn Chư S, Chư S, tỉnh Gia L. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 26/02/2023, bị cáo Phạm Vĩnh P sử dụng số điện thoại 0986659099 gọi điện thoại cho bị cáo Nguyễn Văn D qua số điện thoại 0984639485 rủ D đến nhà rẫy của bị cáo Nguyễn Đức T chơi phỏm được thua bằng tiền thì D đồng ý, P tiếp tục gọi điện thoại cho bị cáo Đinh Văn P qua số điện thoại 0967576258 rủ P chơi phỏm được thua bằng tiền thì P đồng ý. Sau đó, Phong điều khiển xe mô tô BKS: 81F7-6906 đi đến nhà rẫy của T thì chỉ có T ở nhà, khoảng 10 phút sau thì P điều khiển xe mô tô BKS: 81H9-1243 đến nhà T. Lúc này Phước rủ T và P chơi phỏm được thua bằng tiền thì T và P đồng ý. Đến khoảng 13 giờ 10 phút cùng ngày, D gọi điện thoại cho P, hỏi P đang ở đâu thì P nói đang ở nhà rẫy của T, sau đó P nhờ D mua bài đến nhà T để chơi thì D đồng ý. Dẫn điều khiển xe mô tô BKS: 29747-L8 đến tiệm tạp hóa C H (do anh Phạm Minh T, sinh năm 1995 là chủ quán, bán hàng) tại thôn Tốt B, TT.Chư S mua 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ với giá 10.000đ (Mười nghìn đồng) và đi đến nhà rẫy của T. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Dẫn điều khiển xe mô tô BKS: 29747-L8 đến nhà T. Thấy D đến, T lấy 01 (một) cái chiếu và 01 (một) cái mền trong nhà ra trải để mọi người chơi. Trước khi

chơi T có mượn của P số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) và P có mượn của P số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc thì Phước đồng ý cho mượn. Sau đó P, T, P, D bắt đầu chơi đánh bài phỏm được thua bằng tiền. Cách chơi phỏm như sau: mỗi người chơi được chia 09 (chín) lá bài tú lơ khơ, người chia bài được chia 10 (mười) lá. Người chia bài là người đánh đầu tiên. Người chơi chọn một lá bài trong bộ bài của mình đánh qua cho người chơi bên phải liền kề, người chơi bên phải liền kề có thể ăn lá bài của người chơi trước đánh ra để tạo thành phỏm, nếu không ăn được thì bốc một lá trên cọc bài còn dư và sau đó đánh một lá qua người bên phải liền kề và tiếp tục cho đến khi không còn lá bài để bốc. Một phỏm được tính là có ba lá bài có cùng số tự nhiên hoặc cùng chữ cái giống nhau trở lên hoặc một dãy (từ ba lá trở lên) liên tiếp đồng chất. Khi kết thúc ván chơi, nếu người chơi không có phỏm thì bị cháy, các người chơi có phỏm thì so điểm với nhau, ai có điểm thấp nhất là người thắng. Nếu có hai người chơi bằng điểm nhau thì ai hạ bài trước là người thắng. Người về nhất thắng hết tiền của các người chơi khác, người về nhì thua 10.000đ (Mười nghìn đồng), người về ba thua 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng), người về tư thua 30.000đ (Ba mươi ngàn đồng), ai bị cháy thua 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng), ai ù (có ba phỏm) thì những người chơi khác thua 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng). Ai bị ăn lá bài vừa đánh ra thua người ăn 10.000đ (Mười nghìn đồng), ai bị ăn lá đánh ra cuối cùng thua 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng). Trong quá trình chơi, T có thắng được tiền nên đã trả lại cho P số tiền 1.000.000đ. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Đức T (sinh năm: 1979, trú tại thôn Tốt B, TT.Chư S) đến nhà T chơi, T ngồi uống nước chứ không tham gia chơi. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi P, T, P, D đang chơi đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện Chư S bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 6.240.000đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) và các công cụ phương tiện phục vụ việc đánh bạc.

Đến ngày 26/4/2023, bị cáo T đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) (do đây là tiền thắng bạc khi đánh bạc và T đã trả cho Phạm Vĩnh P) cho cơ quan Công an để phục vụ công tác điều tra, truy tố và xét xử.

Quá trình bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc gồm:

- Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.240.000đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

- 01 (một) chiếu màu xanh, kích thước (193x157,5) cm.

- 01 (một) cái chăn kích thước (200x170) cm.

- 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ loại 52 lá (đã qua sử dụng).

- 01 (một) ĐTDĐ REALME C20 có số IMEI1: 867977050787317, số IMEI2: 867977050787309, bên trong có 01 (một) sim số 0986659099.

- 01 (một) ĐTDĐ Nokia có số số IMEI1: 354491090736276, số IMEI2: 354491093236274, bên trong có 01 (một) sim số 0967576258.

- 01 (một) ĐTDĐ SAMSUNG GALAXY A03 có số Sêri: R9HT302FDXK, bên trong có 01 (một) sim số 0984639485.

- 01 (một) ví da, màu nâu.

- Thu giữ xung quanh hiện trường 03 xe mô tô gồm: 01 (một) xe mô tô BKS: 81H9-1243; 01 (một) xe mô tô BKS: 29747-L8; 01 (một) xe mô tô BKS: 81F7-6906.

Tại Bản cáo trạng số 21/CT – VKS, ngày 24/5/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư S, tỉnh Gia L đã truy tố các bị cáo Phạm Vĩnh P, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức T và Đinh Văn P về tội: “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chư S giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Vĩnh P từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn P từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ Điều 35; khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Vĩnh P từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Đinh Văn P từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

- Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền đối với số tiền 6.240.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc; Số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đức T tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an để phục vụ công tác điều tra, truy tố và xét xử; 01 (một) điện thoại di động REALME C20 có số IMEI1: 867977050787317, số IMEI2: 867977050787309, bên trong có 01 (một) sim số 0986659099; 01 (một) điện thoại di động Nokia có số số IMEI1: 354491090736276, số IMEI2: 35449109323627, bên trong có 01 (một) sim số 0967576258; 01 (một) điện thoại

đi động SAMSUNG GALAXY A03 có số Sêri: R9HT302FDXK, bên trong có 01 (một) sim số 0984639485; 01 (một) ví da, màu nâu

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc màu xanh, kích thước (193x157,5) cm; 01 (một) cái chăn kích thước (200x170) cm; 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ loại 52 lá (đã qua sử dụng);

- Về Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Sê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, vai trò và mức độ tham gia của từng bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội và tội phạm khác.

Các bị cáo Phạm Vĩnh P, Nguyễn Đức T, Đinh Văn P, Nguyễn Văn D, cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh phỏm tại nhà rẫy của bị cáo T thuộc thôn Grai M, xã Chư P, huyện Chư S, tỉnh Gia L xảy ra từ lúc 14 giờ ngày 26/02/2023 đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Chư S bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.240.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo dùng để đánh bạc. Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, các bị cáo chỉ cùng nhau rủ rê và thực hiện nhưng vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án này như sau:

Đối với bị cáo Phạm Vĩnh P là người rủ rê, khởi xướng đánh bạc: P đã chủ động gọi điện thoại rủ rê Nguyễn Văn D, Đinh Văn P đến nhà rẫy của T để đánh bạc, P cũng trực tiếp rủ Nguyễn Đức T đánh bạc. P là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác đánh bạc, P cũng là người cho các bị cáo khác mượn tiền để tham gia đánh bạc. Trước khi tham gia đánh bạc P có 5.840.000 đồng, P cho Nguyễn Đức T mượn 1.000.000 đồng, cho P mượn 200.000 đồng còn lại 4.640.000 đồng thì P

dùng để tham gia đánh bạc cùng với Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D, Đinh Văn P. Quá trình tham gia đánh bạc thì T đã thắng được tiền nên T đã trả lại cho P 1.000.000 đồng, P tiếp tục sử dụng số tiền này để đánh bạc.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức T là người tham gia đánh bạc: Sau khi được Phạm Vĩnh P rủ rê đánh bạc thì T đã đồng ý và đã mang chiếu, mền, cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà rẫy của mình, bị cáo T có 250.000 đồng và mượn thêm của Phạm Vĩnh P số tiền 1.000.000 đồng, tổng cộng T có 1.250.000 đồng để tham gia đánh bạc cùng với Phạm Vĩnh P, Nguyễn Văn D, Đinh Văn P. Trong quá trình đánh bạc, T đã thắng tiền và đã trả lại cho P số tiền 1.000.000 đồng, sau đó thì bị Công an huyện Chư S bắt quả tang với tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 6.240.000 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D là người tham gia đánh bạc: Sau khi được Phạm Vĩnh P rủ rê đánh bạc thì D đã đồng ý. D đã sử dụng số tiền 150.000 đồng để tham gia đánh bạc cùng với Phạm Vĩnh P, Nguyễn Đức T, Đinh Văn P thì bị Công an huyện Chư S bắt quả tang với tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 6.240.000 đồng.

Đối với bị cáo Đinh Văn P là người tham gia đánh bạc: Sau khi được Phạm Vĩnh P rủ rê đánh bạc thì P đã đồng ý. P đã mượn của Phạm Vĩnh P số tiền 200.000 đồng và đã sử dụng số tiền 200.000 đồng này để tham gia đánh bạc cùng với Phạm Vĩnh P, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức T thì bị Công an huyện Chư S bắt quả tang với tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 6.240.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo Phạm Vĩnh P, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức T và bị cáo Đinh Văn P sử dụng để đánh bạc là 7.240.000 đồng.

Các bị cáo Phạm Vĩnh P, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức T, Đinh Văn P đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư S, tỉnh Gia L truy tố là đúng người, đúng tội.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm.

Các bị cáo Phạm Vĩnh P, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức T và Đinh Văn P đều phạm tội lần đầu, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo P đã thành khẩn khai báo. Nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức T có cha ruột là ông Nguyễn Đức T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên bị cáo này được dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[4]. Về hình phạt:

Các bị cáo Phạm Vĩnh P, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức T và Đinh Văn P có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với các điều kiện cho

người bị kết án phạt tù được hưởng án treo được quy định tại Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo của Tòa án nhân dân tối cao xác nhận văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC vào ngày 07/9/2022 thì các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, thiết nghĩ không cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà nên cho giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, cho các bị cáo một cơ hội để tự cải tạo trở sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo nhằm thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[6]. Đối với anh Phạm Minh T: Khi bị cáo Nguyễn Văn D mua 02 (hai) bộ bài anh T không biết D mua bài về để thực hiện hành vi Đánh bạc. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư S không có đủ căn cứ để xử lý đối với anh Phạm Minh T. Là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không đề cập xử lý là đúng quy định nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7]. Đối với anh Nguyễn Đức T: Vào ngày 26/02/2023, anh T đến nhà bị cáo T với mục đích ngồi chơi uống nước chứ không nhằm mục đích đánh bạc, T biết các bị cáo Phạm Vĩnh P, Nguyễn Văn D, Đinh Văn P, Nguyễn Đức T đang thực hiện hành vi đánh bạc nhưng không tố giác đến cơ quan chức năng. Tuy nhiên, thời gian T đến nhà T ngắn, chưa kịp tố giác thì bị Công an bắt quả tang. Tội che giấu tội phạm và tội không tố giác về tội phạm không cấu thành đối với tội đánh bạc. Do đó hành vi của Thường không đủ yếu tố để cấu thành tội không tố giác về tội phạm, che giấu về tội phạm. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Sê không đủ căn cứ để xử lý đối với anh Nguyễn Đức T. Là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8]. Về vật chứng:

- Đối với số tiền 6.240.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc; Số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đức T tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an để phục vụ công tác điều tra, truy tố và xét xử; 01 (một) điện thoại di động REALME C20 có số IMEI1: 867977050787317, số IMEI2: 867977050787309; 01 (một) điện thoại di động Nokia có số số IMEI1: 354491090736276, số IMEI2: 35449109323627; 01 (một) điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A03 có số Sêri: R9HT302FDXK là phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau nhằm mục đích đánh bạc. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) chiếu màu xanh, kích thước (193x157,5) cm; 01 (một) cái chăn kích thước (200x170) cm; 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ loại 52 lá (đã qua sử dụng); 01 (một) sim số 0986659099; 01 (một) sim số 0967576258; 01 (một) sim số 0984639485 là vật chứng sử dụng vào việc phạm tội. Vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- 01 (một) ví da, màu nâu của Phạm Vĩnh P không phải công cụ phương tiện sử dụng việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Phước.

- Đối với 01 (một) xe mô tô BKS: 81H9-1243 mà Phạm Vĩnh P điều khiển đi đến nhà Nguyễn Đức T đánh bạc. Qua xác minh xác định xe mô tô BKS: 81H9-1243 là xe của Phạm Vĩnh P. Phước chỉ sử dụng xe mô tô BKS: 81H9-1243 để đi đến nhà T, không sử dụng xe mô tô này vào việc đánh bạc. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư S đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả 01 (một) xe mô tô BKS: 81H9-1243 cho chủ sở hữu hợp pháp là Phạm Vĩnh P. Bị cáo P đã nhận lại tài sản. Là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Đối với 01 (một) xe mô tô BKS: 29747-L8 mà Nguyễn Văn D điều khiển đi đến nhà Nguyễn Đức T đánh bạc. Qua xác minh xác định xe mô tô BKS: 29747-L8 là xe của D, D chỉ sử dụng xe mô tô BKS: 29747-L8 để đi đến nhà T, không sử dụng xe mô tô này vào việc đánh bạc. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Sê đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả 01 (một) xe mô tô BKS: 29747-L8 cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Văn D. Bị cáo D đã nhận lại tài sản. Là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Đối với 01 (một) xe mô tô BKS: 81F7-6906 mà Đinh Văn P điều khiển đi đến nhà Nguyễn Đức T đánh bạc. Qua xác minh xác định xe mô tô BKS: 81F7-6906 là xe của P, P chỉ sử dụng xe mô tô BKS: 81F7-6906 để đi đến nhà T, không sử dụng xe mô tô này vào việc đánh bạc. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư S đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả 01 (một) xe mô tô BKS: 81F7-6906 cho chủ sở hữu hợp pháp là Đinh Văn P. Bị cáo P đã nhận lại tài sản. Là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Vĩnh P, Nguyễn Văn D, Đinh Văn P, Nguyễn Đức T phạm tội: “*Đánh bạc*”.

2. Về Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Vĩnh P 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn P 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao các bị cáo Phạm Vĩnh P, Đinh Văn P cho Ủy ban nhân dân xã Chư P, huyện Chư S, tỉnh Gia L; Giao các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Vĩnh P 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

Xử phạt bị cáo Đinh Văn P 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền: 6.240.000 đồng (*sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) thu giữ trên chiếu bạc; Số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) của bị cáo Nguyễn Đức T tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an để phục vụ công tác điều tra, truy tố và xét xử; 01 (một) điện thoại di động REALME C20 có số IMEI1: 867977050787317, số IMEI2: 867977050787309; 01 (một) điện thoại di động Nokia có số số IMEI1: 354491090736276, số IMEI2: 35449109323627; 01 (một) điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A03 có số Sêri: R9HT302FDXK.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc màu xanh, kích thước (193x157,5) cm; 01 (một) cái chăn kích thước (200x170) cm; 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ loại 52 lá (đã qua sử dụng); 01 (một) sim số 0986659099; 01 (một) sim số 0967576258; 01 (một) sim số 0984639485;

- Trả lại 01 (một) ví da, màu nâu cho bị cáo Phạm Vĩnh P;

Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư S, đặc điểm, số lượng, chủng loại theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư S.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm đề sung công quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia L;
- VKSND huyện Chư S;
- CA huyện Chư S;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- UBND thị trấn Chư S;
- UBND xã Chư P;
- THAHS;
- CC.THADS huyện Chư S;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Đức Phụng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Đức Phụng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- CA huyện Chư Sê;
- Bị cáo;NCQLNVLQ;
- UBND thị trấn Chư Sê;
- UBND xã Chư Pong;
- THAHS;
- CC.THADS huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Đức Phụng